

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:50/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12/6/2020

V/v “Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Bà Nguyễn Thị Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị V, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

Bị đơn: Anh L, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu C, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2013 và cháu N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2015. Cháu C và cháu N là con chung của chị V và anh L. Người giám hộ cho cháu C, cháu N là chị V, anh L.

Bà N, sinh năm 1966, có mặt; Địa chỉ: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H..

Chị C, sinh năm 1997, vắng mặt; Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện V, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2020 và lời khai của nguyên đơn chị V trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về tình cảm: Chị V đăng ký kết hôn với anh L tại UBND thị trấn N ngày 12/3/2013. Sau ngày cưới chị về gia đình anh L làm ăn sinh sống. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng về quan điểm. Anh L chơi lô đề, cờ bạc rồi về đánh đập vợ. Anh L cũng hay đi vay nặng lãi để chơi bời. Nhiều lần vợ chồng xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, thương yêu nhau. Chị V không còn sinh sống ở gia đình anh L, vợ chồng đã ly thân gần hai năm nay. Mâu thuẫn của vợ chồng chị V đã được bố mẹ hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh L, không có nguyện vọng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung, chị V trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung. Cháu lớn là C, sinh ngày 10/5/2013, cháu nhỏ là N, sinh ngày 11/11/2015. Từ khi chị không còn ở với anh L thì hai cháu đều ở với bố và ông bà nội của các cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị Vấn đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng.

Về công nợ, chị V trình bày: Vợ chồng chị không có công nợ với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, chị V trình bày: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công sức, chị V xác định chị không có công sức gì với gia đình anh L nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết do chị không có ruộng nông nghiệp.

Quá trình giải quyết vụ án anh L không hợp tác với Tòa án. Anh L đều vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc tòa án triệu tập do vậy không có lời khai thể hiện quan điểm của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Tòa án cũng không tiến hành được phiên họp hòa giải vụ án do vậy phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà N là mẹ đẻ của bị đơn L trình bày: Anh L hiện nay đang đi làm ở miền N. Anh L không cung cấp địa chỉ cụ thể cho bà và gia đình nhưng hàng ngày anh L đều gọi điện về cho gia đình và hai con của vợ chồng anh L. Anh L biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn nhưng anh L không về được, anh L có nói cho bà biết quan điểm của anh L đồng ý ly hôn với chị V đồng thời đề nghị được nuôi dưỡng hai con nếu vợ chồng ly hôn. Bà N trình bày hàng tháng anh L có gửi số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) về cho bà để nuôi hai cháu C và N. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với vợ chồng bà nên nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh L ly hôn bà có nguyện vọng mong Hội đồng xét xử giao cho anh L được nuôi hai con

chung của anh L và chị V để các cháu có cuộc sống ổn định. Chị V hiện đang đi thuê nhà trọ sinh sống một mình nên không đảm bảo nếu chị V nuôi dưỡng con.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, chị V đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh L đều vắng mặt tại các buổi làm việc Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa đều không có lý do nên xác định anh L không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị V được ly hôn với anh L.

Về con chung: Đề nghị giao hai con chung là cháu C sinh ngày 10/5/2013 và cháu N, sinh ngày 11/11/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

Về công nợ chung; Tài sản chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Chị V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Hội đồng xét xử nhận định:

I/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt bị đơn L. Đây là lần thứ hai mở phiên tòa nhưng anh L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

II/ Về nội dung:

[1] Về tình cảm vợ chồng: Chị V và anh L có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N ngày 12/3/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Lời khai của chị V và người làm chứng là bà N (mẹ đẻ của anh L), chị C (là em ruột của chị V) đều thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chị V có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, đánh cãi chửi nhau. Chị V đã có một vài lần bỏ nhà đi sau đó vợ chồng lại về ở với nhau nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Kể từ sau khi chị V sinh con thứ hai thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Chị V và anh L đã không còn chung sống với nhau đến nay đã gần hai năm. Chị V cũng không còn sinh sống ở nhà chồng mà ra ngoài thuê nhà trọ ở. Vợ chồng không còn quan tâm, thăm hỏi nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng theo chị V xác định nguyên nhân do anh L ham chơi bời, lơ đãng, cờ bạc không chăm sóc gia đình, vợ con. Bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn có một phần do chị V không chung thủy với chồng. Bà N cũng cho biết vợ chồng chị V sống với nhau không có hạnh phúc. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án anh L không có mặt, không có quan điểm của anh L về yêu cầu khởi kiện của chị V. Tuy nhiên lời khai của chị V, của bà N và của chị C có cơ sở để xác định mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng chị V đã thực sự trầm trọng, không còn duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị V được ly hôn với anh L.

[2] Về con chung: Anh L và chị V có hai con chung là cháu C, sinh ngày 10/5/2013 và cháu N, sinh ngày 11/11/2015. Quan điểm của chị V tại đơn khởi kiện đề nghị nếu vợ chồng ly hôn thì chị và anh L mỗi người nuôi dưỡng một cháu. Sau đó chị V có lời khai đề nghị giao hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay hai cháu đang ở với bố và ông bà nội, bản thân chị không có nơi ở ổn định, thu nhập bấp bênh nên nếu được nuôi con thì chị cũng gửi cháu về quê ngoại nhờ trông nom hộ để đi làm. Quan điểm của bà N đề nghị Tòa án cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và bà cũng sẽ hỗ trợ anh L nuôi dưỡng các cháu. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu C và N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra giải quyết việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Hiện nay mặc dù anh L không có mặt tại địa phương nhưng theo quan điểm của bà N thì anh L vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bà để nuôi dưỡng các con của anh chị. Thực tế thời gian gần hai năm kể từ khi anh L và chị V không chung sống với nhau thì hai cháu C và N vẫn đang ở tại gia đình anh L và được vợ chồng bà N trực tiếp chăm sóc cho đến nay. Theo quan điểm của bà N và chị V đều xác định hai cháu vẫn đang được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Về phía chị V, chị xác định hiện nay không có nơi ở ổn định, công việc và thu nhập bấp bênh nên không có điều kiện tốt để chăm sóc con. Bà N cũng xác nhận hoàn cảnh của chị V hiện nay đúng như vậy. Chính vì thế sẽ không đảm bảo nếu giao cả hai cháu C và N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy việc nuôi dưỡng con là quyền và nghĩa vụ của cả chị V và anh L, anh chị có hai con chung nên có nghĩa vụ nuôi dưỡng con như nhau. Nguyên vọng của cháu C xin được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Chính vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu C đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị V và anh L không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh L và chị V đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về công nợ và tài sản chung: Chị V xác định vợ chồng chị không nợ ai và không có tài sản gì chung, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị V vẫn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Xử cho chị V được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 10/5/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu N, sinh ngày 11/11/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị V và anh L không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị V và anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về công nợ; tài sản chung; công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000362 ngày 17/02/2020, chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện V;
- UBND tt N.
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm